TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15-9-2025.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Cầm Văn Tổ ;
2. Bà Lò Lệ Thu.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2025, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXX - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản H, xã Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tiểu khu 39 C, xã M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 14/7/2025, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Bùi Văn T kết hôn với nhau vào năm 2021, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng sống chung với gia đình bố mẹ anh T tại tiểu khu 32, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (Nay là tiểu khu 32, xã M, tỉnh Sơn La), đến đầu năm

2025 anh chị chuyển ra sống riêng trên nhà và đất của bố mẹ anh T tại tiểu khu 39, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (Nay là tiểu khu 39, xã M, tỉnh Sơn La), anh chị sống hoà thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đến năm 2025 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, anh T không chịu khó làm ăn nên từ đó bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không được hòa hợp. Đến tháng 6 năm 2025 chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại bản H, xã Y và sống ly thân cho đến nay. Hiện nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có con chung là cháu Bùi Tiến Đ, sinh ngày 23/8/2021. Vào năm học mới 2024- 2025 cháu đã được chị đón về sinh sống cùng chị và gia đình bố mẹ đẻ và đã làm thủ tục cho cháu theo học tại trường mầm non B, xã Y, nhưng hiện nay anh T đã đón cháu về ở cùng anh T tại tiểu khu 39, xã M, không cho cháu xuống trường học, làm ảnh hưởng đến việc học tập, giáo dục của cháu. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đạt, để đảm bảo sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần, tình cảm của người mẹ đối với con nhỏ, và điều kiện giáo dục, học tập cho cháu. Chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị và anh T đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A cam kết không có và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Chị A hiện nay đang làm công việc nhân viên giao hàng cho Công ty JTEPRESS Chi nhánh Thái Nguyên, Bưu cục tại xã Y. Theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 04/2025/QĐCCTLCC ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La Chị A đã cung cấp cho Tòa án bảng lương và thu nhập của chị trong tháng 7 và tháng 8 năm 2025 với mức lương trung bình 2 tháng là 14.407.219đ *(Mười bốn triệu bốn trăm linh bẩy nghìn hai trăm mười chín đồng).*

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn anh Bùi Văn T trình bày:

Anh Bùi Văn T hoàn toàn nhất trí như phần trình bày của chị Nguyễn Thị A về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Theo anh T Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã, chị Nguyễn Thị A tự bỏ về nhà mẹ đẻ ở bản H, xã Y từ tháng 6 năm 2025 cho đến nay.

Hiện nay chị A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có con chung là cháu Bùi Tiến Đ, sinh ngày 23/8/2021. Hiện nay anh đã đón cháu lên sinh sống với anh tại tiểu khu 39, xã M, tỉnh Sơn La, anh không nhất trí với việc chị A tự làm thủ tục cho cháu Đạt nhập học tại trường mầm non B xã Y, tỉnh Sơn La nên anh chưa cho cháu xuống học tập tại trường trên. Khi ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đạt. Anh không yêu cầu Chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh T và Chị A đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T cam kết không có và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Anh T hiện nay đang làm công việc trồng trọt. Theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 04/2025/QĐCCTLCC ngày 18/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La anh Bùi Văn T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho mức thu nhập của bản thân nhưng đã cung cấp cho Tòa án 02 Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mai Sơn, Sơn La mang tên anh Bùi Văn T với tổng số tiền tiết kiệm là 249.400.000đ *(Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng)*.

Qua xác minh tại nơi cư trú của nguyên đơn chị Nguyễn Thị A, ông Quàng Văn P – Phó trưởng bản bản H, xã M, tỉnh Sơn La cho biết:

Chị Nguyễn Thị A có hộ khẩu thường trú tại Bản H, xã Chiềng Đông, huyện Y, tỉnh Sơn La (Nay là bản H, xã Y, tỉnh Sơn La) từ khi sinh ra, chủ hộ là ông Nguyễn Văn Đạo (bố đẻ chị Anh). Đến năm 2021 Chị A lấy chồng tại xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La) thì chuyển lên sinh sống cùng nhà chồng, vì vậy việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị chính quyền bản không nắm được, đến tháng 6 năm 2025 thì thấy Chị A trở về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Đạo và bà Đào Thị Cúc tại bản H, xã Y, tỉnh Sơn La cho đến nay. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đạo thuộc hộ có điều kiện kinh tế khá giả tại xã và có một người con duy nhất là chị Anh. Theo chính quyền bản nắm được Chị A rất chịu khó làm ăn tăng gia sản xuất, hiện nay làm công việc nhân viên giao hàng cho Công ty Giao hàng, thu nhập cũng khá cao nhưng cụ thể bao nhiêu ông không rõ, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại nơi cư trú của bị đơn anh Bùi Văn T, ông Phí Văn L – Tiểu khu phó tiểu khu 39, xã M, tỉnh Sơn La cho biết:

Anh Bùi Văn T là công dân sinh sống tại tiểu khu 39, xã M nhưng khi đến địa phương anh T không báo cáo với chính quyền tiểu khu, không tham gia đóng góp các khoản quỹ hay chi phí nào tại tiểu khu, sống khép kín, không giao lưu với hàng xóm làng giềng, vì vậy ban quản lý tiểu khu 39, xã C cũng không nắm được về hoàn cảnh gia đình, mâu thuẫn vợ chồng, con chung cũng như nợ chung của gia đình anh T, ngoài ra ban quản lý tiểu khu cũng không thấy anh T làm nghề gì và không biết anh T có thu nhập ra sao.

Qua xác minh tại Trường mầm non B, xã Y nơi cháu Bùi Tiến Đ học tập, bà Nguyễn Thị Quỳnh N – Phó hiệu trưởng cho biết:

Cháu Bùi Tiến Đ đã được mẹ cháu là Nguyễn Thị A làm thủ tục nhập học tại trường theo đúng quy định, quá trình học tập của cháu bị ngắt quãng, cụ thể vào năm hoc 2023-2024 cháu học tại trường vào lớp nhóm trẻ từ 24 đến 36 tháng tuổi, năm học 2024-2025 thì cháu chuyển lên học tại trường Mầm non trên xã C, huyện M (Nay là xã M, tỉnh Sơn La), năm học 2025-2026 vừa rồi thì cháu quay về học tại trường, vào học lớp mẫu giáo nhỡ trung tâm, cháu được mẹ đưa đến tựu trường làm quen lớp học, bạn bè, thầy cô từ ngày 28/8/2025 đến ngày 04/9/2025 và ngày khai giảng 05/9/2025, nhưng đến tuần học chính thức bắt đầu từ 08/9/2025 đến ngày 10/9/2025 chưa thấy gia đình đưa cháu đến trường học, mẹ cháu báo lại nhà trường với lý do là bố đẻ anh Bùi Văn T đã đón cháu về xã M. Nhà trường đề nghị gia đình đưa cháu đến trường để ổn định việc học tập cho cháu.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Bùi Tiến Đ, sinh ngày 23/8/2021 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị và anh T đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Chị A cam kết không có và không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T, xét thấy là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Bùi Văn T cư trú tại tiểu khu 39, xã M, tỉnh Sơn La nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 09/3/2021 chị Nguyễn Thị A và anh Bùi Văn T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa Chị A và anh T là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, Chị A và anh T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2025 cho

đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng Chị A và anh T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho Chị A được ly hôn với anh T, theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh T có một con chung là cháu Bùi Tiến Đ, sinh ngày 23/8/2021. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét khả năng và điều kiện nuôi dưỡng, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung của Chị A và anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nơi ở và môi trường tốt cho sự phát triển của con: Chị A và anh T sau khi ly thân đều chưa có nơi ở ổn định, tuy nhiên Chị A sống cùng gia đình bố mẹ đẻ có điều kiện kinh tế khá giả, gia đình bố mẹ Chị A chỉ có chị là người con duy nhất, bố mẹ Chị A có thể hỗ trợ Chị A trong việc chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung; còn anh T sống một mình trên mảnh đất do bố mẹ đẻ cho vợ chồng anh chị mượn sinh sống trước khi ly hôn, sống khép kín, không tham gia vào hoạt động của địa phương, không đóng góp các khoản quỹ hay chi phí nào tại tiểu khu 39, xã M, tỉnh Sơn La.

Về khả năng tài chính, thu nhập thực tế của mỗi bên: Anh T hiện nay đang làm công việc trồng trọt, thu nhập không ổn định, tuy anh T cung cấp cho Tòa án 02 Sổ tiết kiệm có kỳ hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mai Sơn, Sơn La với tổng số tiền tiết kiệm là 249.400.000đ *(Hai trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng)*, nhưng Sổ tiết kiệm được lập với mục đích để tích lũy tài sản, chỉ là tài sản có sẵn chứ không phải dòng tiền thu nhập đều đặn, ổn định từ công việc lao động hay hoạt động sản xuất, kinh doanh, mà bố mẹ có để đảm bảo cuộc sống cho con chung; còn Chị A hiện nay đang làm công việc nhân viên giao hàng cho Công ty JTEPRESS Chi nhánh Thái Nguyên, Bưu cục tại xã Y thu nhập trung bình trong 2 tháng trước thời điểm xét xử (tháng 7 và tháng 8 năm 2025) là 14.407.219đ *(Mười bốn triệu bốn trăm linh bẩy nghìn hai trăm mười chín đồng),* đây là nguồn thu nhập ổn định từ công việc thực tế để đảm bảo cuộc sống cho con chung.

Về thời gian, khả năng chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con chung: Chị A đã làm thủ tục và cho cháu Đạt học tập tại trường mầm non B, xã Y kể từ ngày 28/8/2025 đến ngày 05/9/2025 nhưng sau đó anh T đã đón cháu về sống cùng, đến thời điểm ngày 10/9/2025 anh T không đưa cháu xuống tiếp tục học tập, cũng không làm thủ tục để cháu được học tại nơi khác, làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp và làm xáo trộn môi

trường giáo dục của cháu.

Ngoài ra theo bệnh án số 14/TTHSBA-BVTT của Bệnh viện Tâm thần thuộc Sở Y tế tỉnh Sơn La anh T có tiền sử bị bệnh động kinh, thỉnh thoảng lên cơn co giật, đau đầu vì vậy không đảm bảo khả năng chăm sóc con nhỏ.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt, cũng như chăm lo việc học tập, giáo dục để cháu phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, tinh thần của cháu Bùi Tiến Đ cần giao cháu Đạt cho Chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Chị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị A và anh T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị A và anh T cam kết không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Tiến Đ, sinh ngày 23/8/2021 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị A và anh T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số: 0000041 ngày 14/7/2025 tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 4 – Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị A và anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/9/2025).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND Khu vực 4 – Sơn La;
- TAND tỉnh Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 4 – Sơn La;
- UBND xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải